

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK6+TD2	7:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 4 p2-bk6
2		P9+RP2+RP3	9:25	13+9+0	0+0+0		1+5+3	0+0+0	
3		P8+TD1+CTK3	11:25	5+6+11	0+0+0		3+0+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2024	TO: P2 - BK6 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - TÚ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	60	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
2	TRÌNH QUỐC KHÁNH	TD2	87	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	85	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	89	1	5		55	82	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	96	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2						65	KHOAN	Vietnamese
7	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	86	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HỮU HẬU	TD2						67	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HUNG CƯỜNG	TD2	95	1	3			97	KHOAN	Vietnamese
10	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	94	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ VĂN HUNG	TD2	97	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN QUÂN	TD2	88	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	90	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	TD2	84	1	12			73	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ HUY BÁC	TD2	81-82	2	19			70	CODIEN	Vietnamese
16	ĐỖ VIỆT LONG	TD2	78-79	2	19			60	CODIEN	Vietnamese
17	ĐỖ THANH TÙNG	TD2	91-93	3	13			72	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MINH	TD2	83	1	5			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	0	0	0	0	4	70	0	4	CHUYEN 4 KHACH TU P2-BK6
2	BK6	0	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	18	1.296	20	126	0	55	22		
TOTAL		18	1.296	20	126	4	125	22		
WEIGHT KG			1.296		126		125			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2024	TO: P9 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - TÚ	ETA: 14:00
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	P9	58	1	10			58	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG TIẾN	P9	658	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	P9	655	1	11			77	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO ĐỨC HẬU	P9	61	1	17			65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CUÔNG	P9	59-60	2	10			71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC DƯƠNG	P9	49-50	2	13			65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VIÊN	P9	52-53	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN TÚ	P9	47-48	2	21			68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	P9	651-652	2	19			79	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ THANH NHÂN	P9	56-57	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P9	53-54	2	20	2	35	61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HẠM CHUNG	P9	656-657	2	25			69	XAYLAP	Vietnamese
13	VU VAN TIEN	P9	46	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ PHƯƠNG NAM	RP2	10	1	10			74	SINH HUNG	Vietnamese
15	ĐO VĂN BAO	RP2	09	1	9			62	SINH HUNG	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	01	1	4			65	PSV	Vietnamese
17	LÔ TRƯỜNG GIANG	RP2	04	1	4			75	PSV	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH CHIẾN	RP2	02	1	4			72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH GIAU	RP2	03	1	5			64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DỤC THUAN	RP2	05	1	7			56	SINH HUNG	Vietnamese
21	DINH MANH SON	RP2	06-07	2	10			62	SINH HUNG	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG QUAN	RP2	08	1	14			81	SINH HUNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	P9	13	898	21	204	2	35	1			
2	RP2	9	611	10	67	0	0	6			
3	RP3	0	0	0	0	0	0	3			
TOTAL		22	1.509	31	271	2	35	10			
WEIGHT KG			1.509		271		35				

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2024	TO: CTK3 - TD1 - P8 - TTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DUONG - ĐNAM - VŨ	ETA: 11:40
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN TAT THANG	CTK3	05	1	3	1	3	65	YTE	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG HUY	CTK3	08	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VIET HUNG	CTK3	87	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG VAN KHANH	CTK3	07	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VĂN ĐỊNH	CTK3	02	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN PHI BANG	CTK3	03-04	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐO VĂN CƯỜNG	CTK3	88-89	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐO VĂN QUANG	CTK3	06	1	9			58	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN MAI SON	CTK3						70	SAN BAY	Vietnamese
10	TRƯỜNG QUYẾT THANG	TD1	20	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUANG VŨ	TD1	24	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TRUNG	TD1	21-22	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN GIA CUONG	TD1	23	1	10	1	3	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN PHUONG DUY	TD1	25	1	14			139	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUANG ĐẠO	TD1	18-19	2	18			79	KH-THAC	Vietnamese
16	TUONG ANH CAC	P8	92	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN VU	P8	76	1	10	1	20	73	CODIEN	Vietnamese
18	PHAM VAN HUU	P8	93	1	14	1	20	65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC THIÊN	P8	77	1	13	3	50	51	CODIEN	Vietnamese
20	CHU TUAN ANH	P8	95	1	6			72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	9	576	10	80	1	3	11		
2	TD1	6	509	8	85	1	3	1		
3	P8	5	324	5	50	5	90	3		
4	TTC1	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.409	23	215	7	96	20		
WEIGHT KG			1.409		215		96			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+AMD+HST	7:25	15+3+2	0+0+0		4+10+4	0+0+0	
2		P5+P1	7:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
3		P3+P4	7:25	16+6	0+0		13+6	0+0	
4		TD5	9:25	22	0		22	0	
5		PPD+P7	9:25	8+14	0+0		8+13	0+0	
6		TD3+CTC1+RC3	9:25	21+1+0	0+0+0		18+2+0	0+0+0	chuyen 1 ctcl-rc3
7		BK20+P6+P4	11:25	2+2+16	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
8		AMD+TGT1+TGT14	11:25	16+3+0	0+0+0		14+4+1	0+0+0	chuyen 1 AMD-H4
9		TD3+VSP02+P4	11:25	2+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 tđ3-vsp02
10		P1+P5	11:25	12+9	0+0		9+12	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P4-16ng, P5-3ng, 2/7ng P1 về qua TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024		TO: P4 - AMD - HST				AIRCRAFT: 428				ETD: 07:30	
FLIGHT: NO 1		FROM: VT				CREW: DUƠNG - XTRƯỜNG -				ETA: 09:20	
XANH-1						THỤ					
No.	PAXNAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	MARZIEV M.		P4	28	1	6			84	KH-THAC	Russian
2	PODYMOV D.		P4	27	1	7			144	KH-THAC	Russian
3	HOANG NGOC TRUÔNG		P4	29	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOANG		P4	30	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
5	GUSTOV DMITRY SERGEEVICH		P4						110	KHI	Russian
6	SARV EDUARD VALERIEVICH		P4						78	KHI	Russian
7	ZHITENKO TATIANA OLEGOVNA		P4						96	KHI	Russian
8	MAKSIMOV MAKSIM VIKTOROVICH		P4						84	KHI	Russian
9	GLADKOV PAVEL DMITRIEVICH		P4						95	KHI	Russian
10	FELLER VIKTOR VALERIEVICH		P4						112	KHI	Russian
11	TITOV VADIM ALEXANDROVICH		P4						110	KHI	Russian
12	GARAFIEVA ELENA IVANOVNA		P4	26	1	2			110	KHI	Russian
13	LÊ THỊ LAM TRÀ		P4						52	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THỊ PHƯƠNG NAM		P4						65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TÚ MAI		P4						62	KHI	Vietnamese
16	PHAM ANH NGU		AMD	03	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG XUAN CHI		AMD	400	1	6	4	65	69	TLJOC	Vietnamese
18	PHẠM TUẤN HÀ		AMD	01-02	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC HAU		AMD	04	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC THỤ		HST	90	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH SONG		HST	15	1	6			53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	15	1.372	5	32	0	0	4		
2	AMD	4	272	5	25	4	65	14		
3	HST	2	123	2	11	0	0	4		
TOTAL		21	1.767	12	68	4	65	22		
WEIGHT KG			1.767		68		65			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: P5 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: NO 2	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG -	ETA: 09:25
CAM-1		QTRUONG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAMARENKO V	P5						70	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TRONG HIEN	P5	52	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	P5						75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG VIET	P5	53	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG VAN THANH	P5	54	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TONG XUAN SINH	P5	55-56	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN TUNG	P1	57	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN LANH	P1	50	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHANH DUY	P1						89	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HAI	P1	63	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	HO HUU CHUNG	P1	53	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN TUAN	P1	62	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
13	LE MINH HIEU	P1	59	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
14	CHAU HUNG HUY	P1	52	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUANG TIEN	P1	60	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG NHAT THANH	P1	64	1	19	2	18	75	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN THANG	P1	58	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN THANG	P1	56	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN THANH HAI	P1	54	1	14			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN THUONG	P1	61	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
21	VU QUANG TUYEN	P1	51	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG DUY KHUONG	P1	55	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	6	407	5	28	0	0	4		
2	P1	16	1.146	15	112	2	18	18		
TOTAL		22	1.553	20	140	2	18	22		
WEIGHT KG			1.553		140		18			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: NO 3	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - NNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DINH SONG HAI	P3	73-74	2	10	2	30	60	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG MINH	P3	79-80	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MANH CUONG	P3	26	1	4	4	46	65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐÌNH HUY	P3	68	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM TUAN KHAI	P3	27	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUONG	P3	78	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	CHAU DINH TU	P3	77	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC VINH	P3	69	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TAM THUY	P3	76	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
10	HO NGHIA TAI	P3	72	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN CONG THANH	P3	75	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HOANG PHUNG	P3	84	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG NGOC LAN	P3	83	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN BA QUY	P3	70	1	12	1	13	72	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐO HOAI NAM	P3	81	1	6			67	PSV	Vietnamese
16	PHAM MINH TUAN	P3	82	1	9			62	PSV	Vietnamese
17	VO VAN CHAU	P4				2	40	70	KHI	Vietnamese
18	DUDKIN KONSTANTIN VLADIMIROVIC	P4						85	KHI	Russian
19	PUZEYCHUK ALEXEY ALEXANDROVICH	P4						95	KHI	Russian
20	GLEBEZDIN ALEXANDR YURYEVICH	P4						80	KHI	Russian
21	AGEEV ALEKSEI LEONIDOVICH	P4						102	KHI	Russian
22	NGUYEN HUU SY	P4	01	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	16	1.109	18	125	7	89	13		
2	P4	6	506	1	6	2	40	7		
TOTAL		22	1.615	19	131	9	129	20		
WEIGHT KG			1.615		131		129			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024		TO: TD5				AIRCRAFT: 428				ETD: 09:50	
FLIGHT: NO 4		FROM: VT				CREW: DUƠNG - XTRƯỜNG -				ETA: 11:40	
CAM-2						THỤ					
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	LUU VĂN PHÒNG		TD5	18	1	3	4	70	72	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN HỒN		TD5	58	1	7			89	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THUẬN		TD5	54	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGÀ		TD5	59	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN DINH		TD5	53	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG NGỌC DANH		TD5	52	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG BẢO AN		TD5	51	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN XA		TD5	42	1	3			70	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẦN THỊ THUY NGÀ		TD5	46	1	7			55	ANTOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC TUÂN		TD5	60	1	4			60	YTE	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HẢI		TD5	47	1	4	1	4	74	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH KHAI		TD5	43	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUÂN		TD5	55	1	5			55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐẠT		TD5	45	1	5			55	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO QUANG MINH		TD5	67-68	2	5			71	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐỊNH		TD5	48-49	2	13			61	KHOAN	Vietnamese
17	HÀ SỸ NGUYỄN		TD5	50	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
18	VĂN CÔNG THUY		TD5	41	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ XUÂN ANH		TD5	44	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
20	ĐO BA NAM		TD5	62-63	2	10	3	75	84	ANTOAN	Vietnamese
21	LÊ DUY AN		TD5	61	1	11			120	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN HẠNH		TD5	56-57	2	15			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	22	1.567	26	157	8	149	22		
TOTAL		22	1.567	26	157	8	149	22		
WEIGHT KG			1.567		157		149			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024		TO: PPD - P7				AIRCRAFT: 427			ETD: 09:55		
FLIGHT: NO 5		FROM: VT				CREW: VTHẮNG - HTRUNG -			ETA: 11:45		
VANG-2						QTRƯỜNG					
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	TRẦN QUANG PHÚ		PPD	93-94	2	10	3	60	62	KHI	Vietnamese
2	LÊ QUANG NINH		PPD						66	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG BAO NGỌC		PPD	96	1	8			83	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHONG		PPD						73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIẾN ĐẠT		PPD	90-92	3	12			78	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI LONG HÙNG		PPD	97-98	2	8			68	PSV	Vietnamese
7	LÊ TIẾN LỢI		PPD	500	1	4			70	PSV	Vietnamese
8	TRẦN MAU SƠN		PPD	95	1	4			72	PSV	Vietnamese
9	LÊ HOÀI THANH		P7	75	1	6	2	40	64	YTE	Vietnamese
10	BUI THẾ DIỄN		P7	72	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG		P7						70	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VĂN SƠN		P7						60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TIẾN HIỆP		P7	76	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CÔNG LAN		P7	68	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH VĂN PHƯỢNG		P7						77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC SƠN		P7						72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM ĐĂNG GIANG		P7	73	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG		P7	74	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ HÙNG HẢI		P7	77	1	13			77	ANTOAN	Vietnamese
20	ĐẠO TUẤN CHỦ		P7	69	1	3			65	PSV	Vietnamese
21	ĐẠO XUÂN THANH		P7	70-71	2	6			67	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG MINH		P7	80	1	7			83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	8	572	10	46	3	60	8		
2	P7	14	990	11	68	2	40	13		
TOTAL		22	1.562	21	114	5	100	21		
WEIGHT KG			1.562		114		100			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: TD3 - CTC1 - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - NNAM	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN HOANG VU	TD3	78	1	10			82	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG NAM	TD3	75	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH BINH	TD3	64-65	2	11			66	KHOAN	Vietnamese
4	LE SY HUNG	TD3	72	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VAN NGHIA	TD3	97	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN TUAN	TD3	94	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG HOANG LONG	TD3	63	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
8	NGO DUY THANH	TD3	73	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VIET HUNG	TD3	61	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	TD3	57-58	2	18			70	YTE	Vietnamese
11	DOAN MINH QUANG	TD3	76-77	2	17			77	DANG KIEN	Vietnamese
12	NGUYEN NAM CUONG	TD3	70-71	2	10	2	25	84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NHAN	TD3	62	1	4	1	10	76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH NGOC	TD3	74	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN UT	TD3	68-69	2	8			65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SON HAI	TD3	98	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU LUAN	TD3	99	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM THANH TUNG	TD3	60	1	14			96	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	TD3	66	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
20	NGO DUY NGOC	TD3	59	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
21	MAI TUAN KIET	TD3	67	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
22	HA VAN CANH	CTC1	84	1	6	3	38	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	21	1.533	26	173	3	35	18		
2	CTC1	1	65	1	6	3	38	2+1		CHUYEN 1 PAX CTC1-RC3
3	RC3	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.598	27	179	6	73	20		
WEIGHT KG			1.598		179		73			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: BK20 - P6 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.ANH - TOAN	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK20	46	1	15			75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ANH	BK20	45	1	14	1	20	63	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC QUÂN	P6	01	1	13	2	27	80	CODIEN	Vietnamese
4	HUỖ HÙNG SƠN	P6	19-20	2	15			68	CODIEN	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P4	51	1	5			95	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	47	1	5			52	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BAO TOÀN	P4	50	1	6	5	100	83	KH-THAC	Vietnamese
8	LÂM VĂN PHÚC	P4	41	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	54	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG KHÁC DŨ	P4	49	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN CŨ	P4	48	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO MINH TUẤN	P4						72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HẢI	P4	42	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THẾ ANH	P4	46	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÂM XUÂN HẢI	P4	52	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	40	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HẢI	P4	43	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH NAM	P4	45	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	44	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM LÊ DUỖNG	P4	53	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	2	138	2	29	1	20	1		
2	P6	2	148	3	28	2	27	0		
3	P4	16	1.118	15	79	5	100	21		
TOTAL		20	1.404	20	136	8	147	22		
WEIGHT KG			1.404		136		147			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: AMD - TGTH1 - TGTH4	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 13:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	28-29	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	17	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	15	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN AN	AMD	09	1	5			67	HLJOC	Vietnamese
5	NGÔ BA THANH	AMD	30	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	10-11	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TUAN VIET	AMD	18	1	10			90	VR	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TUAN	AMD	19-20	2	18			79	VR	Vietnamese
9	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	23-24	2	18			70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	16	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	21	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	25-26	2	15	1	5	85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	12	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	14	1	14			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC LẠI	AMD	13	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN THIÊN	AMD	22	1	9			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG KIEN	TGTH1	51	1	11			96	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	50	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	52	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	16	1.150	21	164	1	5	1241	CHUYEN 1 PAX AMD -TGTH4	
2	TGTH1	3	251	3	26	0	0	4		
3	TGTH4	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	1.401	24	190	1	5	17		
WEIGHT KG			1.401		190		5			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: TD3 - VSP02 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MTHAO - HIẾU	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN THIEN	TD3	28	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN VAN GIANG	TD3	29-30	2	10			73	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THANH	P4						66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC DINH	P4	51-52	2	20			80	XAY LAP	Vietnamese
5	PHAM MINH VU	P4	43-44	2	20	2	32	75	XAY LAP	Vietnamese
6	HOANG THANH SON	P4	45-46	2	17			68	XAY LAP	Vietnamese
7	VO HOANG LAM	P4	53	1	4	1	18	64	XAY LAP	Vietnamese
8	NGUYEN MANH DUNG	P4	47-48	2	20			74	XAY LAP	Vietnamese
9	PHAN THANH HUNG	P4	49-50	2	10			75	XAY LAP	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TAM	P4	42	1	10			65	YTE	Vietnamese
11	PHAM CONG DIEN	P4						74	PSV	Vietnamese
12	TRAN VAN NAM	P4	36	1	3			80	PSV	Vietnamese
13	DOAN VAN TUYEN	P4	41	1	5			76	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HONG	P4	37	1	3			51	PSV	Vietnamese
15	LUU DINH THAI	P4	38	1	3			56	PSV	Vietnamese
16	TRAN CONG VUONG	P4	39-40	2	20			55	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG TRINH	P4	34	1	5			63	PSV	Vietnamese
18	HO QUOC VU	P4	31	1	4			68	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MINH DUC	P4	33	1	5			97	KHI	Vietnamese
20	HOANG TRONG TAN	P4	32	1	8	1	20	70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	2	135	3	19	0	0	0 + 2		CHUYEN 2 PAX TD3-VSP02
2	VSP02	0	0	0	0	0	0	0		
3	P4	18	1.257	22	157	4	70	22		
TOTAL		20	1.392	25	176	4	70	22		
WEIGHT KG			1.392		176		70			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2024	TO: P1 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - NPHU - THANH	ETA: 14:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE VAN TU	P1						68	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG NGUYEN LONG NHAN	P1	69	1	5			125	KH-THAC	Vietnamese
3	HO NGUYEN KHANH DUY	P1	68	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH HAI	P1	67	1	5	3	40	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	P1	78	1	10	2	27	70	ANTOAN	Vietnamese
6	KHUONG THANH DUONG	P1	77	1	15			71	ANTOAN	Vietnamese
7	PHAM NGOC DIEU	P1	75	1	12			80	XAY LAP	Vietnamese
8	HOANG VAN LINH	P1	70-71	2	8			60	YTE	Vietnamese
9	TRAN TRUNG KIEN	P1	74	1	5			73	PSV	Vietnamese
10	LE HONG MINH	P1	76	1	8			72	PSV	Vietnamese
11	PHAM THANH HUNG	P1	73	1	5			62	PSV	Vietnamese
12	PHAN SY HOAN	P1	72	1	5			66	PSV	Vietnamese
13	HOANG NGOC ANH CHIEN	P5	59	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN MINH	P5	58	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DINH TU	P5	53	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGOC	P5	63	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN DINH PHAC	P5	65	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN CAO MANH	P5	55	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUONG	P5	60	1	7			68	YTE	Vietnamese
20	DOAN ANH PHUONG	P5	57	1	5			67	PSV	Vietnamese
21	DO KHAC DA	P5	61	1	5			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	12	882	12	85	5	67	9		
2	P5	9	631	9	48	0	0	12		
TOTAL		21	1.513	21	133	5	67	21		
WEIGHT KG			1.513		133		67			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Wu VSP